

Số: 118/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong
lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Công an tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số
92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-BCA ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa
đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 14/TTr-CAT-
PV01 ngày 21 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **02 (Hai)** thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý của Công an tỉnh Vĩnh Long (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Giám đốc Công an tỉnh phối hợp với Chánh Văn phòng UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ:

- Niêm yết công khai đầy đủ danh mục, nội dung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long.

- Căn cứ cách thức thực hiện của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp xã, Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện đúng nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- TTPVHCC, Ban TCD-NC;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ						
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ						
1		Xác nhận nơi thường xuyên ngụ, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên ngụ, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Bộ Công an, địa chỉ: https://dichvucong.bocongan.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký cư trú.	Không	- Luật Cư trú ngày 13/11/2020; - Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.
2		Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: https://dichvucong.vinhlong.gov.vn hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa cấp xã nơi cư trú		- Luật Cư trú ngày 13/11/2020; - Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

		tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa diêm không được đăng ký thường trú mới		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.		
--	--	--	--	--	--	--

Phần II

NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký cư trú và Tờ khai theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an, địa chỉ: <https://dichvucong.bocongan.gov.vn> hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú. Cơ quan quản đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển Tờ khai đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 3: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì xác nhận và chuyển hồ sơ cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và chuyển văn bản, hồ sơ cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã xác

nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ).

- Trường hợp từ chối giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Cư trú ngày 13/11/2020;

- Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

UBND⁽¹⁾
⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

**Đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ;
 sử dụng phương tiện vào mục đích để ở**

Kính gửi⁽²⁾:

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

1. Họ, chữ đệm và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....
3. Số định danh cá nhân:
4. Nơi cư trú:
5. Quan hệ với phương tiện⁽³⁾:

II. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG TIỆN

1. Tên phương tiện:
2. Loại:
3. Số hiệu phương tiện (nếu có):
4. Biển số/Số đăng ký phương tiện (nếu có):
5. Thông tin chủ sở hữu phương tiện:
- Họ, chữ đệm và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....; Số định danh cá nhân:
- Nơi cư trú:

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ UBND XÁC NHẬN:

1. Phương tiện thường xuyên đậu, đỗ tại⁽⁴⁾:
2. Phương tiện được sử dụng vào mục đích để ở.

....., ngày....tháng...năm...
Người đề nghị xác nhận
 (Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA⁽²⁾.....

1. Phương tiện⁽⁵⁾.....thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện tại địa chỉ⁽⁴⁾.....
2. Phương tiện⁽⁵⁾.....được sử dụng vào mục đích để ở.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN.....
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ủy ban nhân dân cấp trên của nơi công dân gửi đề nghị xác nhận;
- (2) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã;
- (3) Chủ sở hữu/người thuê, mượn, ở nhờ;
- (4) Ghi địa chỉ cụ thể thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã;
- (5) Tên; số hiệu (nếu có); Biển số/Số đăng ký (nếu có).

* Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, công dân kê khai thông tin vào biểu mẫu điện tử, những thông tin của công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ được tự động điền vào biểu mẫu Tờ khai. Người kê khai không phải ký vào biểu mẫu điện tử.

2. Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.
- Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: <https://dichvucong.vinhlong.gov.vn> hoặc nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Một cửa cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp công dân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tới cơ quan đăng ký cư trú cùng hồ sơ đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết.

- Bước 3: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và cấp giấy nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho công dân;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và trả kết quả cho công dân.

- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả để nhận kết quả giải quyết thủ tục xác nhận.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã xác

nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ).

- Trường hợp từ chối giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Cư trú ngày 13/11/2020;

- Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

UBND⁽¹⁾
⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

**Xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu
 để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú**

Kính gửi⁽²⁾:

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

1. Họ, chữ đệm và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
3. Số định danh cá nhân:
4. Nơi cư trú:

II. THÔNG TIN VỀ CHỖ Ở HỢP PHÁP

1. Địa chỉ chỗ ở hợp pháp:

2. Thông tin về nhà ở:
 - Diện tích thửa đất:Diện tích xây dựng:Diện tích sàn:
 - Tổng số người đang đăng ký thường trú:
 - Diện tích sàn còn lại được đăng ký thường trú khi cho thuê, mượn, ở nhờ:

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ UBND..... XÁC NHẬN:

1. Tình trạng chỗ ở để đăng ký thường trú, tạm trú:

2. Diện tích nhà ở để đăng ký thường trú khi cho thuê, mượn, ở nhờ:
 Tổng số người thuê, mượn, ở nhờ:
 Tổng số diện tích chỗ ở hợp pháp thuê, mượn, ở nhờ:.....

....., ngày tháng ... năm ...
Người đề nghị

XÁC NHẬN CỦA UBND⁽¹⁾Nội dung xác nhận⁽³⁾:
.....
.....**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN.....**
(Ký tên, đóng dấu)**Chú thích:**

- (1) Ủy ban nhân dân cấp trên của nơi công dân gửi đề nghị xác nhận;
- (2) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã;
- (3) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã có trách nhiệm xác nhận đầy đủ nội dung: chỗ ở đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp và không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới quy định tại Điều 23 Luật Cư trú.

* Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, công dân kê khai thông tin vào biểu mẫu điện tử, những thông tin của công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ được tự động điền vào biểu mẫu Tờ khai. Người kê khai không phải ký vào biểu mẫu điện tử.